TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 119/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2023 do Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2023;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1508/2025/HNST ngày 25/6/2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông W, ShiKang, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số B đường N, Khu phố D, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;

Người phiên dịch: Ông Bùi Viết N, sinh năm 1958

Địa chỉ: KP V, P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người yêu cầu:* Bà Châu Mỹ H, sinh năm 2003

Địa chỉ: Số E Đường A, Khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 14 tháng 7 năm 2025, ông W, ShiKang và bà Châu Mỹ H thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Ông W, ShiKang và bà Châu Mỹ H thuận tình ly hôn. Về con chung: Không có. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Wu S và bà Châu Mỹ H phải nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025

là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông W, ShiKang, sinh năm 1993 và bà Châu Mỹ H, sinh năm 2003 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

1.4. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông W ShiKang và bà Châu Mỹ H phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông W ShiKang và bà Châu Mỹ H đã nộp theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/25E số 0000307 ngày 24/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông W, ShiKang và bà Châu Mỹ H đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh